



Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07QR (Nhóm Thi 3) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi PV223

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07147029	ĐOÀN NGỌC	HOÀI	02/12/88	<i>sk</i>	5	<i>năm</i>
2	07147030	NGUYỄN VĂN	HOÀN	06/12/89	<i>Hoàn</i>	4	<i>bốn</i>
3	07147031	TRẦN MINH	HOÀNG	06/09/89	<i>H</i>	5	<i>năm</i>
4	07147032	VÕ THÁI	HOÀNG	26/08/88	<i>hơn</i>	4	<i>bốn</i>
5	07147139	LÊ NGUYỄN THU	HỒNG	12/07/87	<i>Đào</i>	4	<i>bốn</i>
6	07147141	LÊ NGUYỄN	HUY	28/04/89	<i>Thư</i>	6	<i>sáu</i>
7	07147036	TRIỆU TÔ TÚ	HUY	13/02/89	<i>Thủy</i>	5	<i>năm</i>
8	07147037	LÊ TIẾN	HƯNG	22/10/88	<i>tiến</i>	4	<i>bốn</i>
9	07147145	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	14/04/89	<i>sh</i>	4	<i>bốn</i>
10	07147038	PHẠM XUÂN	HƯƠNG	08/04/89	<i>an</i>	5	<i>năm</i>
11	07147146	TRƯƠNG THỊ THU	HƯƠNG	20/12/88	<i>Thg</i>	6	<i>sáu</i>
12	07147039	NGUYỄN NGUYỄN	KHANG	27/05/88	<i>Kháng</i>	3	<i>ba</i>
13	07147148	THÁI ĐÌNH	LAI	20/12/89	<i>lai</i>	4	<i>bốn</i>
14	07147150	TRẦN HOÀNG NGỌC	LAN	15/05/89	<i>Hoàng</i>	5	<i>năm</i>
15	07147043	NGUYỄN HOÀNG	LÂM	20/02/88	<i>llam</i>	5	<i>năm</i>
16	07147044	THÁI HOÀNG	LÂM	24/10/89	<i>Thao</i>	6	<i>sáu</i>
17	07147045	TRẦN HOÀNG	LÂM	28/06/88	<i>Thao</i>	5	<i>năm</i>
18	07147046	TRẦN NHO	LIÊM	19/09/89	✓		
19	07147047	BÙI QUỐC	LINH	05/10/86	✓		
20	07147049	NGUYỄN THANH FA	LỢ	14/04/88	✓		
21	07147051	TRƯƠNG HOÀNG	LUÂN	17/05/89	<i>Trào</i>	5	<i>năm</i>
22	07147052	VÕ ĐÌNH	LUẬN	15/12/88	<i>Luân</i>	4	<i>bốn</i>
23	07147054	THÁI VĂN	LƯỢNG	20/09/89	<i>lug</i>	3	<i>ba</i>
24	07147055	ĐỖ TRỌNG	LY	30/10/89	<i>ly</i>	2	<i>hai</i>
25	07147062	NGUYỄN THÀNH	NAM	25/12/89	✓		
26	07147061	NGUYỄN THỊ THANH	NAM	05/09/89	✓		
27	07147156	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	29/10/89	<i>Thanh</i>	5	<i>năm</i>
28	07147064	TRẦN THỊ	NGHĨA	20/08/89	<i>Nghe</i>	6	<i>sáu</i>
29	07147158	TRƯƠNG THỊ	NGUYỆT	30/10/89	✓		
30	07147160	NGUYỄN THỊ KIM	NHỊ	02/08/89	<i>kali</i>	5	<i>năm</i>
31	07147163	NGUYỄN VĂN	NHƯ	14/02/88	<i>Như</i>	5	<i>năm</i>
32	07147068	HOÀNG TRUNG	PHONG	01/08/89	<i>Hoàng</i>	5	<i>năm</i>

án bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 26 Số bài: 26 Số tờ: 26

Ngày 24 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 khánh

Cán bộ coi thi 2 hà húc

Xác nhận của bộ môn TAKC

Cán bộ chấm thi 1 phl

Cán bộ chấm thi 2 _____

Quê
ThS. Ca Mỹ Mỹ

Ng. Đặng T. Cúc Huyền

án bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 26 Số bài: 26 Số tờ: 26

Ngày 24 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 khánh

Cán bộ coi thi 2 hà húc

Xác nhận của bộ môn TAKC

Cán bộ chấm thi 1 phl

Cán bộ chấm thi 2 _____

Quê
ThS. Cao Mỹ Mỹ

Ng. Đặng T. Cúc Huyền

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07QR (Nhóm Thi 3) - Tổ 003 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07147201	PHÙNG VĂN	20/02/89				5
38	07147112	DƯƠNG THÀNH VĂN	06/04/88		<i>Th</i>	5	nam
39	07147203	THÁI THỊ	02/06/89		<i>Th</i>	5	nam
40	07147113	PHAN XUÂN	06/06/88		<i>Th</i>	4	bản
41	07147207	ĐẶNG THỊ BÈN	20/09/89		<i>Th</i>	6	sau

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 55 Số bài: 55 Số tờ: _____

Ngày 29 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Vũ Thị Nga

Cán bộ coi thi 2 Ng. T. Bis

Xác nhận của bộ môn TAIC

Cán bộ chấm thi 1 Ng. Đặng T. Cúc Huyền

Cán bộ chấm thi 2 _____

Ths. Tạ Mỹ Nga
Ths. Tạ Mỹ Nga



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07QT (Nhóm Thi 3) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi PV315

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	ANH	Ng/Sinh	Số TB	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07122006	HỒ TUẤN	ANH	11/08/88		<i>tup</i>	4	bốn
2	07122004	LÊ KIM	ANH	26/03/88		<i>th</i>	4	bốn
3	07122005	NGUYỄN THẾ	ANH	13/10/83		<i>th</i>	5	năm
4	07122007	NGUYỄN TUẤN	ANH	23/09/89		<i>th</i>	6	sáu
5	07122008	TRẦN TUẤN	ANH	21/04/88		<i>th</i>	4	bốn
6	07122009	LÊ NGỌC	ANH	02/07/89		<i>th</i>	6	sáu
7	07122010	VƯƠNG THỊ NGỌC	ANH	08/09/89		<i>th</i>	5	năm
8	07122012	PHAN THỊ NGỌC	BÍCH	06/11/89		<i>th</i>	6	sáu
9	07122015	PHẠM THÁI	BÌNH	25/08/89		<i>th</i>	5	năm
10	07122016	NGUYỄN THỊ HOÀNG	CẨM	02/01/89		<i>th</i>	6	sáu
11	07122018	PHẠM THỊ KIM	CHI	15/09/87		<i>th</i>	6	sáu
12	07122019	NGUYỄN THỊ	CHUNG	15/06/88		<i>th</i>	6	sáu
13	07122020	VÔ TẤN	CÔNG	26/10/88		<i>th</i>	6	sáu
14	07125031	PHAN THỊ	CÚC	12/04/88		<i>th</i>	5	năm
15	07122021	LÝ HOÀNG MỘNG	DIỄM	18/01/89		<i>th</i>	7	bảy
16	07122022	TỔNG NHỰT	DIỄM	05/02/89		<i>th</i>	5	năm
17	07122024	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	DIỄM	10/12/88		<i>th</i>	7	bảy
18	07122025	TRẦN KHÁNH	DIỄM	23/08/89		<i>th</i>	5	năm
19	07122026	MAI CÔNG	DOAN	11/09/87		<i>th</i>	5	năm
20	07122027	NGÔ THỊ MỸ	DUNG	10/12/89		<i>th</i>	5	năm
21	07122028	NGUYỄN HOÀNG	DỪNG	30/08/85		<i>th</i>	7	bảy
22	07122029	NINH NGỌC	DUY	07/11/89		<i>th</i>	6	sáu
23	07122030	TRƯƠNG QUANG NỮ KI	DUYÊN	20/02/89		<i>th</i>	8	tám
24	07122031	NGUYỄN QUỲNH	ĐAN	01/03/89		<i>th</i>	6	sáu
25	07122032	VŨ THỊ HỒNG	ĐÀO	09/01/89		<i>th</i>	7	bảy
26	07122033	ĐỖ XUÂN	ĐIỆP	23/06/88		<i>th</i>		
27	07122034	NGUYỄN QUANG	ĐỨC	17/04/88		<i>th</i>	3	ba
28	07122037	LÊ VĂN	HÀ	04/08/88		<i>th</i>	5	năm
29	07122035	NGUYỄN THỊ LỆ	HÀ	20/04/89		<i>th</i>	6	sáu

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Ngày 29 tháng 06 năm 2008

Số sinh viên dự thi: 29 Số bài: 29 Số tờ: 29

Cán bộ coi thi 1 *th*

Cán bộ coi thi 2 *th*

Xác nhận của bộ môn TAICC

Cán bộ chấm thi 1 *th*

Cán bộ chấm thi 2

th
th. Tạ Mỹ Nga

Ng. DT. Cúc Huyền

30 07162020 Lê Khanh Trung Nhân 01/01/89 *th* 5 năm



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07QT (Nhóm Thi 3) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi PV319

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	HÀ	Ng/Sinh	SỐ TỜ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07122036	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	27/11/89			5	năm
2	07122038	NGÔ THỊ TUYẾT	HÀNH	12/10/89			6	sáu
3	07122040	NGUYỄN THỊ	HĂNG	07/02/89			6	sáu
4	07122039	PHẠM THỊ	HĂNG	29/01/85			3	ba
5	07122041	HỒ THỊ NGỌC	HÂN	15/06/89			7	bảy
6	07122214	THẠCH THỊ NGỌC	HÂN	24/10/87				
7	07122043	NGUYỄN THỊ MỸ	HẦU	11/08/89			6	sáu
8	07122042	PHẠM ĐỨC	HẦU	12/09/89			4	bốn
9	07122046	HỒ THỊ THU	HIỀN	15/09/89			5	năm
10	07122044	NGUYỄN THỊ THANH	HIỀN	01/05/89			7	bảy
11	07122045	PHẠM THỊ	HIỀN	08/09/88			8	tám
12	07122048	LÊ THỊ	HOA	08/04/89			5	năm
13	07122049	TRẦN THỊ	HOA	26/06/89			8	tám
14	07122050	NGUYỄN XUÂN	HÒA	28/11/89			5	năm
15	07122052	NGUYỄN THỊ THU	HỒNG	17/09/88			7	bảy
16	07122053	ĐÀM GIA	HUY	27/03/89			8	tám
17	07122056	HỒ XUÂN	HUY	10/05/88			7	bảy
18	07122054	TRẦN HOÀNG	HUY	25/01/89			6	sáu
19	07122055	TRẦN MINH	HUY	18/09/89			5	năm
20	07122060	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	16/09/89			6	sáu
21	07122059	TRỊNH THỊ	HƯƠNG	20/10/88			6	sáu
22	07122061	TRẦN THỊ	HƯƠNG	20/01/87			5	năm
23	07122064	VÕ VĂN	KHÁNH	08/10/88			5	năm
24	07122066	HÀ TRUNG	KIẾN	05/05/89			7	bảy
25	07122068	ĐÀO TUẤN	KIỆT	31/10/89			7	bảy
26	07122069	TÀ HỒNG	KIỀU	02/09/89			7	bảy

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 25 Số bài: 25 Số tờ: 25

Ngày 29 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Văn Khánh

Xác nhận của bộ môn TACC

ThS. Tạ Mỹ Nga

Cán bộ chấm thi 1

Nguyễn T. Cúc Huyền

Cán bộ chấm thi 2



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07TB (Nhóm Thi 3) - Tổ 003 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi RD104

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07135105	TRỊNH THÚY LINH	09/02/90		Linh	9	chín
2	07135041	NGUYỄN QUANG LONG	23/02/88		Long	6	sáu
3	07135042	VÕ TRÍ LONG	29/04/88		Long	6	sáu
4	07135043	HỒNG TẬP LỘC	28/11/88		Lộc	5	năm
5	07135107	PHẠM THỊ LỘC	20/10/89		Lộc	5	năm
6	07135108	TRẦN MINH LUÂN	18/11/88		Minh	5	năm
7	07135044	NGUYỄN TRUNG LUẬT	15/03/87		Luân	5	năm
8	07135045	NGUYỄN VĂN LỤC	18/01/89		Lục	5	năm
9	07135109	TRẦN THỊ THANH LÝ	05/07/89		Lý	7	bảy
10	07135110	NGUYỄN THỊ MAI	22/06/87		Mai	6	sáu
11	07135046	ĐINH GIA MẠNH	08/07/88		Minh	5	năm
12	07135111	TRƯƠNG KIỀU MI	08/11/88		Minh	6	sáu
13	07135112	LÊ THỊ DIỆU MY	01/05/89		My	8	tám
14	07135047	NG P THIÊN BỬU TRÀ MY	16/09/89		My	8	tám
15	07135113	NGUYỄN THỊ THỂ MỸ	18/09/89		My	6	sáu
16	07135114	LÊ HOÀI NAM	06/04/89		Nam	5	năm
17	07135048	NGUYỄN THỊ NGÀ	02/12/87		Ngà	4	bốn
18	07135116	NGUYỄN THỊ TUYẾT NGÀ	16/04/88		Ngà	5	năm
19	07135115	VŨ THỊ NGÀ	06/02/88		Ngà	5	năm
20	07135117	LÊ BẢO NGÂN	01/10/89		Ngân	5	năm
21	07135051	TRẦN HOÀNH NGHỊ	27/04/89		Ngân	7	bảy
22	07135120	NGUYỄN HOÀNG THẢO NGUYỄN	29/04/89		Ngân	7	bảy
23	07135119	NGUYỄN THỊ KIM NGUYỄN	02/06/88		Ngân	8	tám
24	07135052	TRẦN THỊ LAN NHI	07/05/89		Ngân	4	bốn
25	07135053	NGUYỄN THỊ MỸ NƯONG	15/10/89		Ngân	7	bảy
26	07135122	NGUYỄN ĐĂNG PHÚC	02/01/88		Ngân	5	năm
27	07135123	ĐINH THỊ MINH PHƯƠNG	11/02/89		Ngân	5	năm
28	07135056	TRẦN THỊ THẢO PHƯƠNG	15/12/89		Ngân	5	năm
29	07135124	NGÔ THỊ TÚ PHƯƠNG	17/09/88		Ngân	8	tám
30	07135125	NGUYỄN ĐẠT NGUYỆT QUẾ	24/04/89		Ngân	8	tám
31	07135126	LÊ VĂN QUÝ	07/03/89		Ngân	8	tám
32	07135058	TRẦN MINH QUÝ	11/03/89		Ngân	4	bốn
					Ngân	5	năm

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 30 Số bài: 30 Sở từ: 30

Ngày 29 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 N.T.M. (chữ ký)
N.T.M. (chữ)

Cán bộ coi thi 2 Phu (chữ ký)
Nguyễn Thị Huyền (chữ)

Xác nhận của bộ môn TAIC

Cán bộ chấm thi 1 (chữ ký)

Cán bộ chấm thi 2 _____

(chữ ký)

ThS. Ca Mỹ (chữ)

Ng. Đặng T. Cúc Huyền (chữ)



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07TB (Nhóm Thi 3) - Tổ 004 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi RD105

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SốTở	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07135127	LÊ HOÀNG SON	15/10/89			6	sáu
2	07135128	TRƯƠNG ĐẮC TAO	25/07/88			5	năm
3	07135130	LÊ THANH TÂM	15/04/85			6	sáu
4	07135059	NGUYỄN HỒNG THẢO	02/06/89			5	năm
5	07135131	PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO	10/09/89			6	sáu
6	07135132	TRẦN QUỐC THẢO	05/02/88			6	sáu
7	07135133	NGUYỄN VĂN THẮNG	23/07/89			4	bốn
8	07135134	NGUYỄN MINH THẾ	02/09/86			6	sáu
9	07135061	VÕ TẤN THI	23/02/89			9	chín
10	07135062	HUYỀN THỊ THƠ	12/07/89			6	sáu
11	07135136	ĐÀM THỊ THU	27/10/89			6	sáu
12	07135063	LÊ THỊ PHƯƠNG THÚY	05/04/88			5	năm
13	07135064	TRẦN MINH THƯ	14/03/89	✓			
14	07135065	NGUYỄN THỊ NGỌC THƯƠNG	06/12/89			8	tám
15	07135068	TRƯƠNG THỊ THÚY TIẾN	01/05/89			8	tám
16	07135139	NGÔ MẠNH TIẾN	15/11/89			7	bảy
17	07135140	TRẦN TRUNG TÍN	14/11/89			2	hai
18	07135141	PHẠM THỊ TOÀN	22/11/88			5	năm
19	07135142	NGUYỄN KIM TOÀN	16/11/89			7	bảy
20	07135143	NGUYỄN MINH TOÀN	01/01/89			6	sáu
21	07135069	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	24/12/88			7	bảy
22	07135144	PHẠM NGỌC THÙY TRANG	28/10/89			8	tám
23	07135070	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	12/01/89			6	sáu
24	07135071	TRẦN THỊ KIỀU TRINH	08/12/89	✓			
25	07135072	NGUYỄN TRUNG TRỌNG	01/08/89			8	tám
26	07135145	ĐẶNG THỊ THANH TRÚC	09/01/89			7	bảy
27	07135073	NGUYỄN THÀNH TRUNG	05/01/89			7	bảy
28	07135074	TRINH THỊ BÍCH VÂN	09/02/89			6	sáu
29	07135147	ĐÀO KHẮC ANH VIỆT	21/09/89			7	bảy
30	07135148	NGUYỄN KHẮC HOÀNG VINH	25/07/87			7	bảy
31	07135150	ĐOÀN TRẦN VŨ	29/06/89			7	bảy
32	07135075	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	20/12/88			6	sáu

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 30 Số bài: 30 Số tờ: 30

Ngày 28 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 [Signature]

Cán bộ coi thi 2 [Signature]

Xác nhận của bộ môn TAKC

Cán bộ chấm thi 1 [Signature]

Cán bộ chấm thi 2 [Signature]

[Signature]
ThS. Cao Mỹ Ngọc

Ngô Đăng T. Cúc Huyền